TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 42

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 8, 5, 3 là:

A. 35 **B.** 88 **C.** 83 **D.** 85

Câu 2. Số 98 viết thành tổng các chục và đơn vị là:

A. 98 = 80 + 9 **B.** 98 = 90 + 9 **C.** 98 = 9 + 8 **D.** 98 = 90 + 8

Câu 3. Kết quả của phép tính 16 + 17 + 10 là:

A. 43 **B.** 33 **C.** 53 **D.** 45

Câu 4. Thùng thứ nhất có 45 l nước, thùng thứ hai có 32 l nước. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số lít nước là:

A. 13 l **B.** 14 l **C.** 77 l **D.** 12 l

Câu 5. 18 kg + 29 kg − 7 kg = ……

A. 54 kg **B.** 40 l **C.** 50 kg **D.** 40 kg

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?

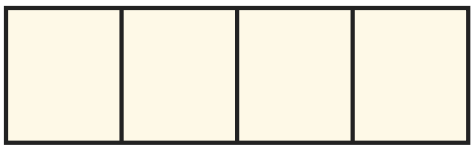

A. 8 **B.** 10 **C.** 9 **D.** 11

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 8 chục và 4 đơn vị là: ……

b) Số tròn chục liền sau số 63 là: ……

c) Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 12 là: ……

Bài 2. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… − 39 = 58

b) …… + 23 = 72

c) 17 + …… = 50

d) 47 + …… = 81 − 9

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 65 − 7 − 31 …… 59 − 8 − 27

b) 60 + 28 + 7 …… 26 + 24 + 37

c) 23 + 37 + 14 …… 73

d) 8 dm …… 84 cm

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 dm = …… cm

b) 30 cm = …… dm

c) 6 dm 8 cm = …… cm

d) 1 dm + 34 cm = …… cm

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

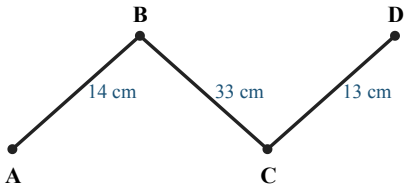

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Một cửa hàng có 88 kg đường. Buổi sáng bán được 26 kg, buổi chiều bán được 24 kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam đường?

a) Cả ngày bán được: …… kg

b) Cửa hàng còn lại: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 42

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	A	A	D	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 84

b) 70

c) 93 (9 + 3 = 12)

Bài 2.

a) 58 + 39 = 97

b) 72 − 23 = 49

c) 50 − 17 = 33

d) 81 − 9 = 72; 72 − 47 = 25

Bài 3.

a) 27 > 24

b) 95 > 87

c) 74 > 73

d) 80 cm < 84 cm

Bài 4.

a) 40

b) 3

c) 60 + 8 = 68

d) 10 + 34 = 44

Bài 5.

a) 14 + 33 + 13 = 60 (cm)

b) 60 cm = 6 dm

Bài 6.

Cả ngày bán: 26 + 24 = 50 (kg)

Còn lại: 88 − 50 = 38 (kg)